

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Số nhà 2/78A ấp Trường Lưu, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2016 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:***

Cha ông là Nguyễn Văn B, sinh năm 1913, chết năm 1986. Mẹ ông là Phan Thị H, sinh năm 1918, chết năm 1981. Cha mẹ ông có 08 người con là Nguyễn Thị Y (đã chết năm 2015); Nguyễn Văn C (đã chết năm 1972); Nguyễn Thị D; Nguyễn Văn S; Nguyễn Thị D1; Nguyễn Tấn S1; Nguyễn Thị Ng và Nguyễn Thị A. Khi cha ông chết thì trong gia tộc có họp lại tại đám tang chỉ định cho ông phần đất diện tích 3.000 m² trên đất có nhà tole tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện HT nhưng sau đó ông Nguyễn Tấn S1 tự đi kê khai đăng ký và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Ông S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn S1 phải sang tên phần đất diện tích 3.000 m² thuộc tờ bản đồ 10-3-4, thửa đất số 191 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh cho ông đứng tên.

Ông S không thừa nhận di chúc do cha ông là ông Nguyễn Văn B chết để lại.

**** Theo biên bản hòa giải ngày 10 tháng 3 năm 2017 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn S1 trình bày:***

Cha ông tên là Nguyễn Văn B, sinh năm 1913, chết năm 1986. Mẹ ông tên là Phan Thị H, sinh năm 1918, chết năm 1981. Cha mẹ ông có tất cả 08 người con như anh S trình bày. Khi cha ông chết có để lại di chúc và anh chị em ông đã thực hiện theo di chúc, đã chia như sau:

Đối với phần đất ruộng 27.000 m² ở ấp Trường Phú, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh thì chia cho ông và anh S mỗi người 7.500 m², chia cho bà Ng và bà A mỗi người 6.000 m². Ông S đã bán 7.500 m² cho người khác.

Đối với phần đất ruộng 21.000 m² ở xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thì chia làm 03 phần cho chị Y, chị D và chị D1, mỗi người hưởng một phần 7.000 m² nhưng các chị đã bán hết.

Đối với phần đất rẫy 10.000 m² tại ấp Đ, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh thì chia làm 03 phần cho chị Y, chị D, chị D1, mỗi người hưởng một phần khoảng 3.300 m². Các chị đã bán hết.

Đối với phần đất rẫy 5.000 m² thuộc ấp Đ, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh thì được chia cho ông S và ông S đã bán cho người khác.

Đối với phần đất nền phố ngang 4,0 m, dài 18 m tọa lạc tại ấp Trường Lưu, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh thì chia cho bà Ng, hiện nay bà Ng và bà A có cất nhà và sống chung tại nhà đất này.

Đối với phần đất nhà (đất đang tranh chấp) có tổng diện tích khoảng 9.000 m² (trong di chúc thể hiện là 7.000 m²) nhưng có con đường cắt ra thành 02 phần. Ông và ông S mỗi người hưởng khoảng 3.000 m², đất liền ranh với nhau, còn bà A hưởng 3.000 m² đất bên kia đường. Trên đất của ông có căn nhà ngói hiện nay vợ chồng ông đang ở, còn trên đất của ông S có căn nhà tole diện tích đất khoảng 3.000 m² nhưng ông S đã bán cho chị D1. Do ông S không còn đất nữa nên ông chuyển sang phần đất của bà A cất một cái chòi tạm để ở. Vì ông S không có vợ con nên các anh em cũng đồng ý để cho ông S ở tạm.

Phần đất 3.000 m² mà ông S đang tranh chấp với ông là đất của bà A được hưởng theo di chúc. Ông chỉ là người đứng tên giấy đất dùm cho bà A, do bà A không có chồng con và bị ông S đánh đập thường xuyên. Việc ông S khởi kiện ông là không đúng, ông S1 không đồng ý sang tên đất lại cho ông S, vì chỗ anh em ruột ông S1 không muốn khởi kiện ông S, khi nào bà A có yêu cầu thì ông S phải đi đòi trả lại đất cho bà A.

Việc ông S cho rằng di chúc cha ông là cụ Nguyễn Văn B chết để lại là di chúc giả là không đúng, vì cha ông cụ B chỉ tự tay viết di chúc và ký tên, nếu di chúc giả thì không có lý do gì tất cả các anh chị em đều hưởng phần của mình theo di chúc, trong đó có anh S.

**** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 trình bày:***

Bà D1 thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông S1 là đúng. Ông S trình bày không đúng. Trước khi chết, cha bà có để lại di chúc và các anh chị em bà đều được hưởng phần của mình theo di chúc, trong đó có ông S. Phần ông S được hưởng ông đã bán cho người khác. Riêng phần đất 3.000m² trên đất có căn nhà tole ông S được hưởng sau cùng ông S đã bán cho bà vào năm 2015 giá là 250.000.000 đồng bà đã giao đủ tiền cho ông S và bà D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/3/2016. Nay ông S muốn chiếm đất của bà A nên khởi kiện ông S1 vì ông S1 là người đứng tên giấy đất dùm cho bà A. Việc ông S khởi kiện ông S1 là không đúng, bà D1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông S.

**** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày:***

Bà Ng thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông S1 là đúng. Ông S trình bày không đúng. Khi cha bà chết có để lại di chúc và các anh chị em bà đều được hưởng phần của mình theo di chúc, trong đó có ông S và những phần đất mà ông S được hưởng thì ông S đều đã bán hết. Nay ông S muốn chiếm đất của bà A nên khởi kiện ông S1 vì ông S1 là người đứng tên giấy đất dùm cho bà A. Việc ông S khởi kiện ông S1 là không đúng, bà Ng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

**** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày:***

Bà A thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông S1 là đúng. Ông S trình bày không đúng. Trước khi chết, cha bà có để lại di chúc và các anh chị em bà đều

hưởng phần của mình theo di chúc, trong đó có ông S và những phần mà ông S được hưởng thì ông đều bán hết. Phần đất 3.000m² thửa 191 mà ông S1 đang đứng tên giấy đất là đất của bà được hưởng theo di chúc của cha bà để lại, không phải đất của ông S. Lý do bà nhờ ông S1 đứng tên giấy đất dùm vì ông S thường xuyên đánh đập bà nên bà sợ không dám ở trên đất mà phải đi Thành phố sinh sống, từ đó ông S qua đất bà cất chòi tạm để ở. Hiện nay bà và bà Ng đang canh tác trồng cây tặc và hoa màu trên phần đất này. Việc ông S khởi kiện là không đúng. Do đó, bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

Việc bà nhờ ông S1 đứng tên giấy đất dùm thì bà không có tranh chấp gì với ông S1 trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HT đã quyết định:

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với ông Nguyễn Tấn S1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản. Ghi nhận ông S đã nộp xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/7/2017, ông Nguyễn Văn S kháng cáo yêu cầu ông S1 phải trả lại cho ông phần đất diện tích 3.000 m² vì phần đất tranh chấp không phải của ông S1 và bà A.

Ngày 27/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm vì những nội dung sau:

Quyết định của bản án buộc ông S phải chịu án phí số tiền 13.543.600 đồng là vi phạm điểm a khoản 2 Điều 17, Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 vì ông S khởi kiện yêu cầu ông S1 sang tên cho ông được quyền sử dụng đất, Tòa án chỉ xem xét xem ai có quyền sử dụng đất. Do đó, khi yêu cầu của ông S không được chấp nhận thì ông S chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S.

+ Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sửa bản

án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cha mẹ ông S là cụ Nguyễn Văn B (chết năm 1986) và cụ Phan Thị H (chết năm 1981) có 08 người con là bà Nguyễn Thị Y; ông Nguyễn Văn C; bà Nguyễn Thị D; ông Nguyễn Văn S; bà Nguyễn Thị D1; ông Nguyễn Tấn S1; bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị A.

[2] Ông S cho rằng khi cha mẹ ông chết, gia tộc ông họp lại và chia cho ông phần đất diện tích 3.000 m², thuộc tờ bản đồ 10-3-4, thửa đất số 191 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh cho ông đứng tên, trên đất có căn nhà lợp tole tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh nhưng sau đó ông Nguyễn Tấn S1 tự đi kê khai đăng ký và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Ông không thừa nhận di chúc mà cụ Nguyễn Văn B chết để lại do phía ông S1 cung cấp.

[3] Ông S1 và những người liên quan (bà D1, bà Ng, bà A, các con bà Y) đều thống nhất cho rằng, trước khi chết ông B có để lại di chúc và chia đất đều các con, ông S đã được hưởng 03 (ba) phần đất nhưng ông S đã chuyển nhượng cho người khác hết; phần đất 3.000 m² mà ông S đang tranh chấp với ông là đất của bà A được hưởng theo di chúc. Ông chỉ là người đứng tên giấy đất dùm cho bà A.

Xét kháng cáo của ông S thấy rằng:

[4] Nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích là 3.000 m² tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện HT, Tây Ninh là do cụ Nguyễn Văn B để lại. Thấy rằng, trước khi cụ Nguyễn Văn B chết có làm tờ phân chia di sản cho các con và mỗi người đều nhận phần của mình theo di chúc. Đối với các phần đất ông S được hưởng thì ông đã sang nhượng cho nhiều người như ông M, bà y, ông Th và bà D1 (thể hiện qua biên bản xác minh BL 69).

[5] Phần đất diện tích 3.000 m² ông S đang tranh chấp là của bà A, ông S1 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm cho bà A. Ông S cho rằng sau khi cha mẹ ông chết gia tộc họp lại giao cho ông nhưng ông S1, D1, bà Ng, bà A, các con bà Y không thừa nhận. Ông S không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ; ông S còn cho rằng ông là anh lớn trong gia đình nên có quyền chia di sản của cha mẹ ra để quản lý sử dụng, phần đất 3.000m² tranh chấp là của cụ B cho riêng ông nhưng không có giấy tờ chứng minh (BL 162, 164). Bên cạnh đó, ông S cho rằng di chúc cha ông (cụ Nguyễn Văn B) chết để lại là di chúc giả và ông có đơn yêu cầu giám định. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm có quy định cho ông thời hạn cung cấp chữ ký, chữ viết để giám định nhưng ông S không cung cấp và có đơn rút lại yêu cầu giám định (BL 85). Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Ngày 17/3/2016, ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HT

buộc ông S1 (bị đơn) phải sang tên cho ông phần đất diện tích 3.000 m², đất thuộc tờ bản đồ 10-3-4, thửa đất số 191 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện HT, tỉnh Tây Ninh cho ông đứng tên. Do đó, vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17, Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012. Án phí dân sự sơ thẩm mà ông S phải chịu là 200.000 đồng. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S. Có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông S kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S; Sửa bản án sơ thẩm số 25/2017/DS-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HT.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự; **Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án**; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với ông Nguyễn Tấn S1 về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2. Về chi phí do đặc, định giá: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng). Ghi nhận ông S đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu là 200.000 đồng nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0002492 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT. Chi Cục thi hành án dân sự huyện HT hoàn trả cho ông S 3.550.000 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông S đã nộp theo biên lai thu số 0004358 ngày 17/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND huyện;
- Tòa DS;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân